Nhịp hồi phục còn yếu, rủi ro điều chỉnh vẫn hiện hữu

Thứ Hai, Ngày 23 Tháng 11 Năm 2026 · BSC Research

VN-INDEX	VN30	HNX-INDEX	UPCOM-INDEX
1,697.14	1,791.12	232.23	119.17
▲ +8.35 (+0.49%)	▲ +4.28 (+0.24%)	▼ -2.36 (-1.01%)	▲ +0.03 (+0.03%)
GTKL (TỶ): 8,714	GTKL (TỶ): 4,874	GTKL (TỶ): 430	GTKL (TỶ): 207
SO TB20: -25.1%	SO TB20: -21.3%	SO TB20: -34.8%	SO TB20: -46.5%
NN (TỶ): -418.9	NN (TỶ): -378.6	NN (TỶ): -15.2	NN (TỶ): -6.6

Nhận định thị trường

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index hồi phục hơn 8 điểm trong phiên hôm nay và đóng cửa tại 1.697,14 điểm. Độ rộng thị trường tương đối cân bằng với 8/18 ngành tăng điểm, trong đó Công nghệ thông tin dẫn đầu với mức tăng gần 4%, theo sau là Bất động sản và Hàng & Dịch vụ công nghiệp. Về giao dịch của khối ngoại, khối này tiếp tục bán ròng trên cả ba sàn HSX, HNX và UPCOM. Nhịp hồi phục hôm nay yếu khi tâm lý thận trọng và trạng thái giằng co vẫn chi phối giao dịch. Nhà đầu tư nên duy trì sự thận trọng cho đến khi chỉ số vượt ngưỡng 1,700 điểm với sự xác nhận từ thanh khoản. Bên cạnh đó, vẫn cần lưu ý rủi ro VN-Index quay lại kiểm định vùng đáy quanh 1,650 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL VN30 đều tăng theo chỉ số VN30.

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch 23/11/2026, các chứng quyền vận động theo xu hướng giằng co của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn

- VN-Index **+8.35** điểm, đóng cửa tại 1,697.14 điểm. HNX-Index **-2.36** điểm, đóng cửa tại 232.23 điểm. UPCoM-Index **+0.03** điểm, đóng cửa tại 119.17 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VIC (**+6.18**), VHM (**+1.90**), FPT (**+0.75**), HVN (**+0.53**), GVR (**+0.46**).
- Kéo chỉ số giảm: TCB (**-0.64**), GAS (**-0.59**), STB (**-0.42**), MBB (**-0.31**), MSN (**-0.25**).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 8,714 tỷ đồng, giảm 19.08% so với phiên trước và thấp hơn 25.1% so với trung bình 20 phiên. Tổng giá trị giao dịch đạt 12,754 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 26.5 điểm. Sàn HOSE có 143 mã tăng (5 mã trần), 93 mã tham chiếu, 116 mã giảm (7 mã sàn).
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **-418.93** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm HDB (**-98.61** tỷ), VPX (**-70.12** tỷ), SSI (**-69.43** tỷ), VIX (**-67.30** tỷ), TCB (**-51.90** tỷ). Đây là phiên bán ròng thứ 5 liên tiếp; luỹ kế từ đầu năm khối ngoại bán ròng **-127,294** tỷ đồng trên HOSE.
- Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-15.19** tỷ đồng và bán ròng trên sàn UPCoM với giá trị **-6.57** tỷ đồng.

Giao dịch khối ngoại

CẢ 3 SÀN

TOP MUA	TỶ VND	TOP BÁN	TỶ VND
POW	176.49	HDB	-98.61
GMD	61.04	VPX	-70.12
HVN	35.35	SSI	-69.43
FPT	25.03	VIX	-67.30
HDG	20.98	TCB	-51.90

HOSE luỹ kế năm: **-127,294** tỷ 5 phiên bán ròng liên tiếp

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Thị trường thế giới

	ĐIỂM	%D	%W
SPX	6,910	-3.70%	-8.61%
FTSE100	10,346	-1.02%	-5.10%
Eurostoxx	5,942	-2.81%	-6.97%
Shanghai	3,539	+0.15%	-1.77%
Nikkei	56,437	-5.06%	-7.70%

Nguồn: Yahoo Finance, BSC tổng hợp

Liên thị trường

	GIÁ TRỊ	%D	%W
Giá dầu Brent	91.66	-0.98%	-0.84%
Giá vàng	3,613	+2.10%	-6.32%
USD/VND	25,803	+0.04%	+0.21%
EUR/VND	28,396	+0.30%	+0.28%
JPY/VND	162	-0.31%	+0.38%
VN LS TPCP 10Y	4.46%	0 bps	-0.5 bps
VN LS LNH 1M	5.80%	+35.0 bps	+30.0 bps

Nguồn: Bloomberg, BSC tổng hợp. Lãi suất: thay đổi theo điểm cơ bản.

Mở tài khoản tại BSC

Quét mã QR để mở tài khoản chứng khoán trực tuyến.

Mục lục

Tổng quan 1
Thống kê thị trường 2
Biểu đồ & dòng tiền 3
Danh mục BSC30 4
Danh mục BSC50 5
Báo cáo gần đây 6
Khuyến cáo sử dụng 7

Thống kê thị trường

Top 5 tác động tăng VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
VIC	245.70	+1.57%	+6.18	1.34
VHM	61.50	+1.82%	+1.90	4.38
FPT	46.85	+4.11%	+0.75	19.01
HVN	23.75	+3.49%	+0.53	3.10
GVR	27.85	+2.01%	+0.46	0.66

Top 5 tác động giảm VN-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
TCB	20.75	-2.12%	-0.64	16.65
GAS	69.30	-1.70%	-0.59	0.38
STB	69.70	-1.55%	-0.42	1.34
MBB	18.10	-0.82%	-0.31	14.01
MSN	69.10	-1.14%	-0.25	3.15

Top 5 tác động tăng HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
DTK	10.60	+8.16%	+0.33	0.00
IDC	34.80	+1.75%	+0.14	0.77
SHS	13.40	+1.52%	+0.10	6.60
PVS	26.90	+0.75%	+0.07	1.85
IPA	12.50	+4.17%	+0.07	0.48

Top 5 tác động giảm HNX-Index

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
THD	55.90	-9.98%	-1.21	0.04
KSV	94.90	-1.86%	-0.30	0.02
NTP	52.40	-0.95%	-0.06	0.09
CAR	135.00	-10.00%	-0.04	0.00
LHC	47.00	-4.08%	-0.03	0.00

Top 5 tác động tăng VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
FPT	46.85	+4.11%	+4.91	19.01
VIC	245.70	+1.57%	+3.68	1.34
VNM	52.30	+1.75%	+1.35	2.13
VHM	61.50	+1.82%	+0.74	4.38
ACB	19.75	+0.77%	+0.57	4.98

Top 5 tác động giảm VN30

MÃ	GIÁ	%NGÀY	INDEX PT	KLGD (TR.CP)
MWG	70.90	-1.12%	-1.54	4.04
STB	69.70	-1.55%	-1.46	1.34
TCB	20.75	-2.12%	-1.30	16.65
MSN	69.10	-1.14%	-1.20	3.15
MBB	18.10	-0.82%	-0.45	14.01

Top 5 tăng mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PMG	5.40	+6.93%	0.00
PTC	4.80	+6.90%	0.00
CCI	17.25	+6.48%	0.00
TMS	33.00	+6.45%	0.00
SRF	7.46	+6.42%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HOSE

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
VRC	9.86	-6.98%	0.02
PIT	8.00	-6.98%	0.00
VVS	56.10	-6.97%	0.32
TDW	42.80	-6.96%	0.00
HSL	6.03	-6.94%	0.10

Top 5 tăng mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
GDW	34.70	+9.81%	0.00
TV3	13.50	+9.76%	0.00
STP	7.90	+9.72%	0.00
KTS	20.60	+9.57%	0.01
MEL	6.90	+9.52%	0.00

Top 5 giảm mạnh nhất HNX

MÃ	GIÁ	%NGÀY	KLGD (TR.CP)
PGT	4.50	-10.00%	0.00
CAR	135.00	-10.00%	0.00
THD	55.90	-9.98%	0.04
MAS	31.60	-9.97%	0.00
KDM	15.60	-9.83%	0.00

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, BSC tổng hợp; điểm đóng góp theo Bloomberg (MOV). Giá: nghìn VND.
Top tăng/giảm mạnh nhất chỉ xét các mã có giao dịch trong phiên.
Index pt: số điểm mà từng cổ phiếu đóng góp vào mức tăng/giảm của chỉ số trong phiên (dương là kéo chỉ số tăng, âm là kéo giảm).

Biểu đồ & dòng tiền

VN-Index 60 phiên

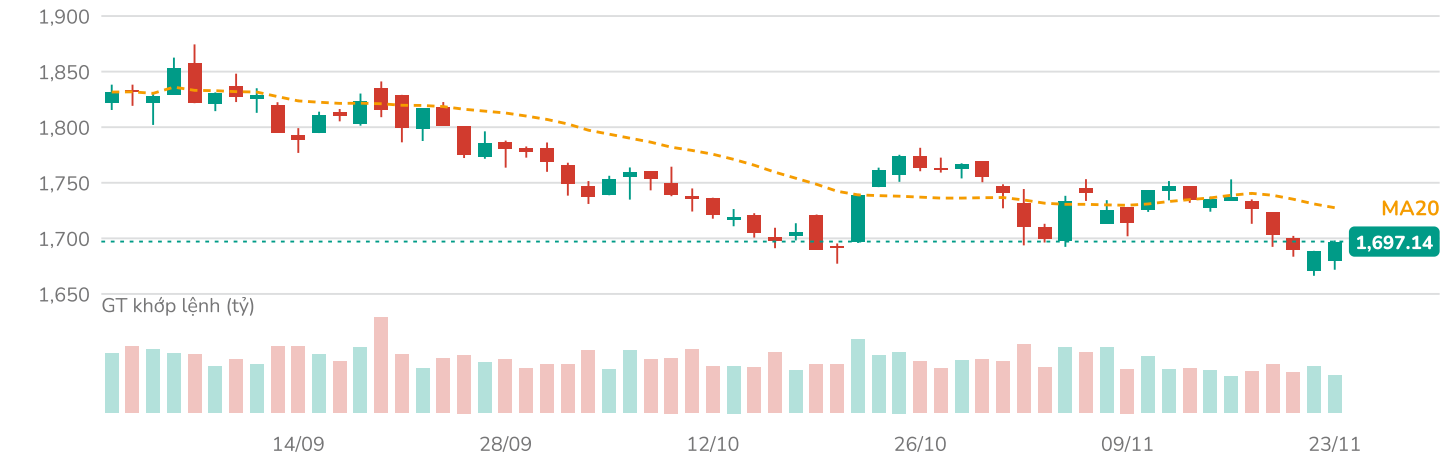

MA20 = 1,727.57 TB20 GT khớp lệnh: 11,631 tỷ

Diễn biến ngành cấp 2

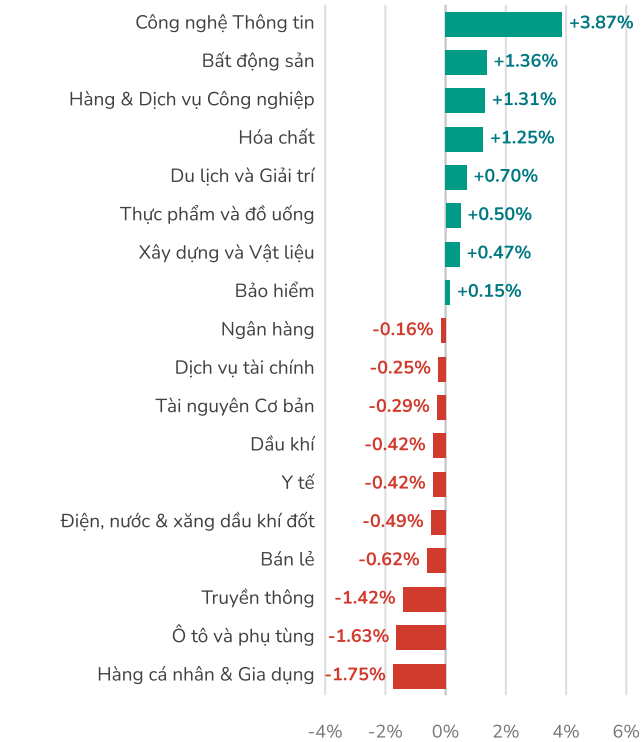

Dòng tiền theo ngành & nhóm vốn hoá

Bảng 1 · Theo ngành Top 10 theo giá trị khối ngoại ròng · tỷ VND

NGÀNH	%1D	GTGD	NN RÒNG
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.49%	451	189.9
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+1.31%	550	51.4
Du lịch và Giải trí	+0.70%	380	34.4
Công nghệ Thông tin	+3.87%	922	23.8
Dầu khí	-0.42%	467	-12.9
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.75%	231	-15.4
Bán lẻ	-0.62%	399	-27.6
Tài nguyên Cơ bản	-0.29%	513	-44.2
Ngân hàng	-0.16%	4,062	-281.1
Dịch vụ tài chính	-0.25%	1,961	-341.4

Bảng 2 · Theo nhóm vốn hoá VN30 · VNMID · VNSML · tỷ VND

NHÓM VỐN HOÁ	%1D	GTGD	NN RÒNG
VN30	+0.24%	7,060	-378.6
VNMID	+0.19%	4,950	-12.6
VNSML	-0.31%	521	-5.7

Khối ngoại ròng HOSE 20 phiên (tỷ VND)

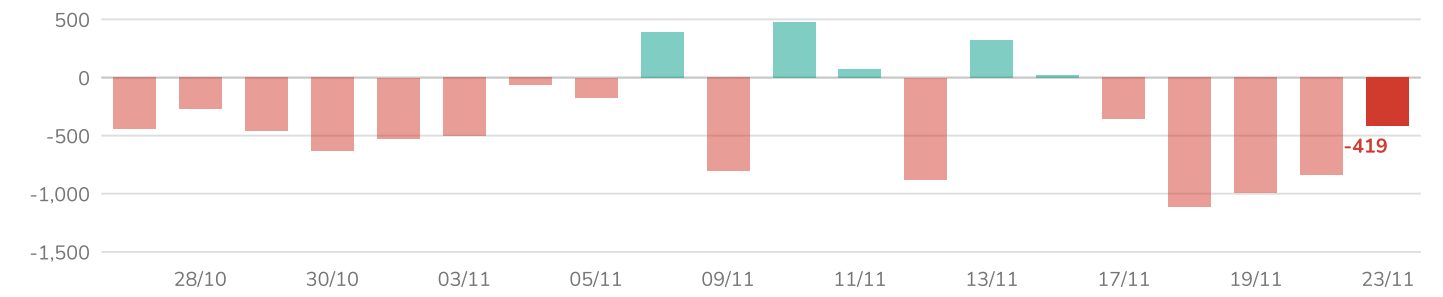

Nguồn: FiinPro-X, BSC tổng hợp

Danh mục BSC30

Diễn biến BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.07%**. Các mã diễn biến tích cực: FPT (+4.11%), VHM (+1.82%), VNM (+1.75%).
- BSC50 **+0.43%**. Các mã diễn biến tích cực: CTR (+4.31%), VTP (+4.07%), HDG (+4.04%).

HIỆU SUẤT	BSC30	BSC50	VN-INDEX	VN30
1 ngày	+0.07%	+0.43%	+0.49%	+0.24%
1 tuần	-2.85%	-2.38%	-2.29%	-2.88%
1 tháng	-5.55%	-4.70%	-3.77%	-5.21%
3 tháng	-7.81%	-7.26%	-5.12%	-7.77%

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

Hiệu suất tích luỹ

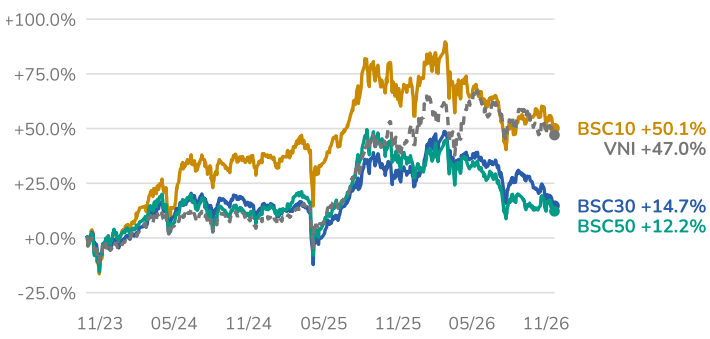

Nguồn: BSC, FiinPro-X.

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	GIÁ MT	NN SH	BC
MWG	Bán lẻ	70.9	-1.12%	1.1	104,627	290.8	7,556	9.4	113.0	49.0%	Link
KBC	Bất động sản	26.5	+0.38%	0.9	24,957	16.2	1,859	14.2	42.4	6.0%	Link
KDH	Bất động sản	15.3	-0.32%	1.1	19,115	99.8	1,374	11.2	39.9	24.1%	Link
PDR	Bất động sản	11.2	+0.45%	1.2	11,175	40.3	540	20.7	28.2	6.9%	Link
VHM	Bất động sản	61.5	+1.82%	1.4	505,212	268.2	12,039	5.1	132.6	6.3%	Link
FPT	Công nghệ Thông tin	46.9	+4.11%	0.6	88,346	874.1	5,479	8.6	124.4	25.0%	Link
BSR	Dầu khí	23.5	-0.42%	–	117,672	88.6	5,584	4.2	–	1.4%	Link
PVS	Dầu khí	26.9	+0.75%	1.0	16,509	49.4	3,417	7.9	52.3	14.5%	Link
HCM	Dịch vụ tài chính	23.0	0.00%	1.1	31,555	228.5	1,051	21.9	–	34.4%	Link
SSI	Dịch vụ tài chính	19.8	-1.25%	1.2	59,260	475.7	1,554	12.7	–	29.7%	Link
VCI	Dịch vụ tài chính	18.8	+0.53%	1.1	21,662	91.0	1,249	15.1	–	14.1%	Link
DCM	Hóa chất	30.6	+0.49%	1.0	16,173	20.5	5,132	6.0	53.3	7.2%	Link
DGC	Hóa chất	30.6	-1.45%	1.1	11,602	8.7	4,883	6.3	96.7	2.6%	Link
ACB	Ngân hàng	19.8	+0.77%	0.7	114,637	97.6	2,773	7.1	27.1	21.9%	Link
BID	Ngân hàng	30.1	+0.17%	0.9	234,125	137.0	4,524	6.7	–	17.2%	Link
CTG	Ngân hàng	30.4	+0.83%	1.0	235,727	194.7	5,479	5.5	53.5	24.6%	Link
HDB	Ngân hàng	21.8	0.00%	1.0	141,850	561.3	2,932	7.4	32.7	19.2%	Link
MBB	Ngân hàng	18.1	-0.82%	0.9	182,244	255.7	3,507	5.2	32.4	21.9%	Link
MSB	Ngân hàng	16.4	-0.60%	0.8	61,589	78.3	1,673	9.8	14.0	5.8%	Link
STB	Ngân hàng	69.7	-1.55%	0.9	131,400	94.5	809	86.2	–	10.0%	Link
TCB	Ngân hàng	20.8	-2.12%	1.0	220,559	344.4	2,694	7.7	43.5	20.8%	Link
TPB	Ngân hàng	12.3	0.00%	1.0	39,398	105.3	2,649	4.7	–	21.9%	Link
VCB	Ngân hàng	50.3	+0.20%	0.9	420,290	237.1	4,986	10.1	–	19.7%	Link
VIB	Ngân hàng	13.4	+0.37%	0.7	50,054	132.8	2,070	6.5	23.0	4.1%	Link
VPB	Ngân hàng	20.4	-0.24%	1.0	204,500	243.3	3,118	6.6	36.5	22.2%	Link
DBC	Thực phẩm và đồ uống	16.4	+0.61%	1.1	7,069	119.1	2,348	7.0	28.8	1.4%	Link
MSN	Thực phẩm và đồ uống	69.1	-1.14%	1.0	100,912	219.3	6,243	11.1	100.4	25.4%	Link
VNM	Thực phẩm và đồ uống	52.3	+1.75%	0.5	109,305	110.6	5,455	9.6	78.0	49.7%	Link
HPG	Tài nguyên Cơ bản	20.4	-0.24%	1.0	172,236	325.8	3,251	6.3	32.2	21.9%	Link
HSG	Tài nguyên Cơ bản	10.2	0.00%	1.0	8,194	28.2	772	13.2	14.3	3.1%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 30 mã.

Danh mục BSC30 gồm 30 công ty có vốn hoá và thanh khoản lớn nhất trên HOSE, HNX và UPCoM, được các chuyên gia BSC chọn lọc theo tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt. Danh mục được BSC công bố định kỳ hàng quý.

Danh mục BSC50

MÃ	NGÀNH	GIÁ	%NGÀY	BETA	VỐN HOÁ	GTGD	EPS	P/E	NN SH	ROE	BC
DGW	Bán lẻ	38.8	-0.51%	1.0	8,655	29.6	4,269	9.1	28.8%	26.7%	Link
FRT	Bán lẻ	148.0	0.00%	0.9	26,465	53.4	7,598	19.5	34.0%	29.1%	Link
BVH	Bảo hiểm	58.0	0.00%	0.9	43,055	17.3	4,560	12.7	27.6%	13.3%	Link
DIG	Bất động sản	9.9	-1.20%	1.1	8,341	30.1	776	12.7	3.1%	6.3%	Link
DXG	Bất động sản	10.8	-0.91%	1.1	13,759	60.5	92	118.4	15.7%	0.8%	Link
HDC	Bất động sản	12.8	-0.39%	1.1	2,940	30.0	690	18.6	1.2%	6.6%	Link
IDC	Bất động sản	34.8	+1.75%	1.0	14,527	26.7	4,365	8.0	15.3%	26.8%	Link
NLG	Bất động sản	23.6	+1.94%	1.0	11,473	16.6	1,026	23.0	35.0%	3.8%	Link
SIP	Bất động sản	42.4	-1.40%	0.9	10,266	4.4	5,778	7.3	2.2%	27.1%	Link
SZC	Bất động sản	19.0	-0.26%	1.0	3,420	10.0	891	21.3	1.3%	5.1%	Link
TCH	Bất động sản	13.3	-4.32%	1.2	13,344	142.1	793	16.8	10.4%	6.8%	Link
VIC	Bất động sản	245.7	+1.57%	1.4	1,907,169	326.1	5,557	44.2	3.0%	26.1%	Link
VRE	Bất động sản	23.4	-0.21%	1.2	53,286	74.0	3,255	7.2	10.8%	14.9%	Link
CMG	Công nghệ Thông tin	16.6	+2.78%	1.0	3,878	5.4	1,687	9.9	35.1%	11.9%	Link
VJC	Du lịch và Giải trí	137.3	0.00%	0.9	105,596	250.4	2,866	47.9	5.3%	8.5%	Link
PLX	Dầu khí	30.7	-0.81%	0.9	39,722	21.7	3,022	10.2	14.4%	14.6%	Link
PVD	Dầu khí	16.3	+0.62%	0.9	15,122	356.8	976	16.7	7.8%	5.3%	Link
FTS	Dịch vụ tài chính	18.8	+3.31%	1.1	7,142	18.1	1,054	17.8	24.6%	9.0%	Link
MBS	Dịch vụ tài chính	15.5	0.00%	1.1	15,514	26.8	1,562	9.9	0.4%	12.3%	Link
GEX	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	19.9	-0.75%	1.5	25,973	210.3	762	26.1	5.2%	5.2%	Link
GMD	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	51.9	+3.80%	1.0	33,701	160.8	4,184	12.4	37.2%	19.7%	Link
HAH	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	46.2	+1.09%	0.9	8,863	9.1	6,594	7.0	3.4%	25.9%	Link
PVT	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	18.9	+1.07%	0.9	9,744	32.7	2,977	6.3	15.4%	16.6%	Link
VTP	Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	42.2	+4.07%	0.8	8,520	30.7	2,174	19.4	3.9%	18.0%	Link
PNJ	Hàng cá nhân & Gia dụng	12.6	-6.67%	1.4	6,448	206.1	3,302	3.8	23.6%	12.4%	Link
TCM	Hàng cá nhân & Gia dụng	14.8	0.00%	0.9	1,741	11.4	1,741	8.5	48.1%	8.4%	Link
TNG	Hàng cá nhân & Gia dụng	16.7	+0.60%	0.9	2,150	3.8	3,692	4.5	22.2%	23.6%	Link
DPM	Hóa chất	18.3	-0.54%	0.9	12,443	21.4	2,320	7.9	3.1%	13.8%	Link
GVR	Hóa chất	27.9	+2.01%	1.1	111,400	18.2	2,111	13.2	0.5%	14.1%	Link
EIB	Ngân hàng	15.9	+0.95%	1.3	29,617	235.5	103	154.9	0.7%	0.7%	Link
LPB	Ngân hàng	34.2	0.00%	0.5	102,314	782.2	4,048	8.5	1.4%	26.0%	Link
NAB	Ngân hàng	13.2	+1.54%	0.6	28,496	53.9	2,365	5.6	1.0%	19.3%	Link
OCB	Ngân hàng	10.7	+0.47%	0.8	32,616	6.9	1,482	7.2	18.8%	12.8%	Link
ANV	Thực phẩm và đồ uống	15.6	-1.27%	1.1	4,140	6.8	2,961	5.2	1.6%	20.8%	Link
BAF	Thực phẩm và đồ uống	30.8	0.00%	0.5	12,699	33.1	251	122.7	3.1%	2.2%	Link
SAB	Thực phẩm và đồ uống	43.0	+1.30%	0.5	55,150	18.7	3,623	11.9	58.8%	22.2%	Link
VHC	Thực phẩm và đồ uống	50.2	-0.59%	0.8	10,515	5.5	5,503	9.1	17.4%	12.8%	Link
NKG	Tài nguyên Cơ bản	12.2	0.00%	1.0	5,982	93.4	494	24.6	5.6%	3.2%	Link
BMP	Xây dựng và Vật liệu	130.0	+1.17%	0.3	10,642	8.2	15,292	8.5	81.7%	41.4%	Link
CTD	Xây dựng và Vật liệu	73.2	+0.55%	1.1	8,185	38.2	7,145	10.2	49.1%	8.3%	Link
CTR	Xây dựng và Vật liệu	60.5	+4.31%	1.0	7,751	20.2	5,223	11.6	5.2%	30.5%	Link
DPG	Xây dựng và Vật liệu	32.0	-0.62%	1.1	3,795	12.6	3,735	8.6	18.4%	15.0%	Link
HHV	Xây dựng và Vật liệu	9.2	+0.22%	0.9	5,291	21.2	1,241	7.4	10.2%	6.1%	Link
PC1	Xây dựng và Vật liệu	16.4	+0.93%	0.9	7,733	5.8	2,352	7.0	8.1%	16.6%	Link
VCG	Xây dựng và Vật liệu	14.5	0.00%	0.9	10,124	28.4	1,607	9.0	1.9%	9.7%	Link
VGC	Xây dựng và Vật liệu	38.4	+0.66%	1.1	17,217	5.4	4,003	9.6	0.8%	20.6%	Link
GAS	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	69.3	-1.70%	1.1	167,217	26.6	6,110	11.3	2.1%	21.2%	Link
HDG	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	16.8	+4.04%	1.1	6,817	41.6	1,999	8.4	15.8%	11.7%	Link
POW	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	13.7	+3.01%	1.1	42,029	313.6	2,353	5.8	5.2%	17.9%	Link
REE	Điện, nước & xăng dầu khí đốt	46.5	-0.11%	0.5	28,988	48.7	4,420	10.5	49.0%	12.8%	Link

Giá, giá mục tiêu: nghìn VND. Vốn hoá, GTGD: tỷ VND. NN SH: tỷ lệ sở hữu nước ngoài. Nguồn: FiinPro-X, BSC. 50 mã.

Danh sách các báo cáo BSC đã phát hành gần đây

STT	TÊN BÁO CÁO	PHÂN TÍCH VĨ MÔ	PHÂN TÍCH NGÀNH	LINK BÁO CÁO
1	BSC Navigator | 11.2026: Cập nhật thông tin liên quan hoạt động cổ phần hóa thoái vốn DNNN giai đoạn 2026-2030	x		Xem
2	BSC Navigator | 10.2026: Hướng tới mục tiêu tăng trưởng GDP hơn 12% trong quý 4/2026	x		Xem
3	BSC Navigator | T09.2026: Việt Nam – Định hướng điều hành cuối năm	x		Xem
4	BSC Navigator | T08.2026: Việt Nam nằm trong 3 cuộc điều tra Section 301 năm 2026	x		Xem
5	BSC Insight | Market Waves – Hoạt động cổ phần hóa, thoái vốn Doanh nghiệp Nhà nước (Kỳ 4)	x		Xem
6	BSC Insight | Outlook H2/2026: Thích ứng nhanh chóng & Nắm bắt cơ hội	x		Xem
7	BSC Navigator | T07.2026: Cập nhật kỳ đánh giá phân loại thị trường của MSCI tháng 06/2026	x		Xem
8	BSC Navigator | T06.2026: Đánh giá tình hình nhập siêu 5T2026 của Việt Nam	x		Xem
9	BSC Navigator | T05.2026: Cập nhật thay đổi tài liệu FAQ v1.2 của FTSE	x		Xem
10	BSC Navigator | T04.2026: FTSE Russell xác nhận lộ trình nâng hạng TTCK Việt Nam	x		Xem
11	BSC Insight | FTSE Russell chính thức thông báo nâng hạng TTCK Việt Nam (Kỳ 4)	x		Xem
12	BSC Navigator | 2026: Cập nhật dự báo Vĩ mô – Thị trường trong bối cảnh căng thẳng leo thang tại Trung Đông	x		Xem
13	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC Q2.2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
14	BSC Insight | Căng thẳng Hoa Kỳ - Israel và Iran	x		Xem
15	BSC Navigator | T03.2026: Căng thẳng Hoa Kỳ, Israel - Iran	x		Xem
16	BSC Navigator | T02.2026: Thí điểm sàn giao dịch carbon	x		Xem
17	BSC Navigator | 2026: Đường dài mới biết ngựa hay	x		Xem
18	Equity 360 | BÁO CÁO CHIẾN LƯỢC 2026: KỶ NGUYÊN TĂNG TRƯỞNG MỚI - SÓNG LỚN HÓA RỒNG		x	Xem
19	BSC Navigator | T12.2025: Việt Nam trong chuỗi giá trị AI Hoa Kỳ	x		Xem
20	BSC Navigator | T11.2025: Quy hoạch Việt Nam giai đoạn 2026 - 2030	x		Xem
21	BSC Navigator | T10.2025: TTCK Việt Nam chính thức được nâng hạng - Dòng tiền khối ngoại tại châu Á	x		Xem
22	BSC Insight | Nâng hạng Thị trường Chứng khoán Việt Nam - Cận kề đích đến (Kỳ 3)	x		Xem
23	BSC Navigator | T09.2025: Nhìn lại các chu kỳ tăng trưởng của thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Xem
24	BSC Navigator | T08.2025: Dòng vốn đầu tư trực tiếp / gián tiếp từ Trung Quốc sang Việt Nam	x		Xem

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên BSC không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của BSC. Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của BSC.

© 2026 BIDV Securities Company, All rights reserved. Unauthorized access is prohibited.

Thông tin liên hệ - Trung tâm Phân tích Nghiên cứu

Phan Quốc Bửu
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu - Quyền phụ trách
Buupq@bsc.com.vn

Bùi Nguyên Khoa
PGĐ Trung tâm Phân tích Nghiên cứu
Vĩ mô – Thị trường
Khoabn@bsc.com.vn

Nguyễn Thị Cẩm Tú
Trưởng nhóm
Ngành - Doanh nghiệp
Tuntc@bsc.com.vn

Đặng Trung
Trưởng nhóm
Định lượng
Trungd@bsc.com.vn

NHÓM VĨ MÔ THỊ TRƯỜNG

Vũ Việt Anh
Chuyên viên phân tích
Anhvv@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng
Chuyên viên phân tích
Tungtt1@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
Chuyên viên phân tích
Thaopt1@bsc.com.vn

Lưu Diễm Ngọc
Chuyên viên phân tích
Ngocld@bsc.com.vn

BSC Trụ sở chính
Tầng 8 & 9 LPB Tower
210 Trần Quang Khải, Phường Hoàn Kiếm, TP Hà Nội
Tel: (024) 3935 2722
Fax: (024) 2220 0669

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh
Tầng 4 & 9 Tòa nhà President Place
Số 93 Đường Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP. HCM
Tel: (028) 3821 8885
Fax: (028) 3821 8879

Trung tâm Phân tích nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng tổ chức
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

Đối với Khách hàng cá nhân
i-center@bsc.com.vn

Khu vực miền Bắc: (024) 39264 660 Khu vực miền Nam: (028) 38218 889 Website: http://www.bsc.com.vn